

THÔNG BÁO TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2023

Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh thông báo tuyển sinh trình độ Thạc sĩ Đợt 2 năm 2023 như sau:

1. CHUYÊN NGÀNH VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

Stt	Hệ tuyển sinh	Ngành/Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu tuyển sinh
1	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	8340201	201
2	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	8340101	38
3	Thạc sĩ	Luật kinh tế	8380107	09

2. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO

- Hình thức đào tạo: chính quy, thực hiện theo học chế tín chỉ
- Thời gian đào tạo: trong vòng 24 tháng
- Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

3. ĐỐI TƯỢNG DỰ TUYỂN

Công dân Việt Nam và công dân nước ngoài.

4. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

4.1. Điều kiện về văn bằng tốt nghiệp đại học

Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện tốt nghiệp đại học các ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác (quy định cụ thể tại Phụ lục 1 đính kèm Thông báo) được dự tuyển đầu vào chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường. Trong đó, thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện tốt nghiệp đại học các ngành phù hợp với ngành dự tuyển được dự tuyển ngay; thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện tốt nghiệp các ngành gần, ngành khác phải hoàn thành bổ sung kiến thức (quy định cụ thể tại phụ lục 1 đính kèm Thông báo) trước khi được dự tuyển.

4.2. Điều kiện ngoại ngữ

Người dự tuyển phải có năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; người dự tuyển đáp ứng yêu cầu này khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng tiếng Anh;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh cấp trong thời gian không quá 02 năm tính đến thời gian đăng ký dự tuyển mà chuẩn

đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu tiếng Anh đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam như sau:

Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
		Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
	TOEFL ITP	450 - 499	
	IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
	Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140 - 159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160 - 179
	TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275 - 399 Đọc: 275 - 384 Nói: 120 - 159 Viết: 120 - 149	Nghe: 400 - 489 Đọc: 385 - 454 Nói: 160 - 179 Viết: 150 - 179

Các chứng chỉ trình độ tiếng Anh trên còn hiệu lực (nếu có thời hạn) đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận (không chấp nhận chứng chỉ thi theo hình thức home – Edition). Sau khi nhận được chứng chỉ Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh sẽ thẩm định để đảm bảo tính xác thực.

4.3. Các điều kiện khác

Người dự tuyển phải có:

- Lý lịch bản thân rõ ràng, cam kết không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của cơ sở đào tạo;
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng hạn theo quy định của Nhà trường;
- Đối với người dự tuyển thuộc diện chính sách ưu tiên phải có đủ hồ sơ theo qui định tại mục 5.2 thông báo này;
- Đối với công dân là người nước ngoài các điều kiện như công dân Việt Nam, đồng thời, khi dự tuyển phải có đủ năng lực Tiếng Việt để tiếp thu kiến thức trong quá trình đào tạo năng lực tiếng Việt tối thiểu bậc 4 theo qui định tại Thông tư Số: 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. ĐỐI TƯỢNG, CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

5.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- c) Con liệt sĩ;
- d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;
- f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

5.2. Mức ưu tiên

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên trên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 5 điểm vào điểm xét tuyển.

Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

Các loại giấy tờ cần có để hưởng chính sách ưu tiên:

- a) Bản sao (có công chứng) thẻ thương/ bệnh binh hoặc các loại giấy tờ có liên quan (đối với đối tượng quy định ở điểm b, c, e, f mục 5.1);
- b) Bản sao (có công chứng) CMND hoặc thẻ CCCD, hộ khẩu và xác nhận của xã/ phường nơi cư trú (đối với đối tượng quy định tại điểm d mục 5.1);
- c) Hợp đồng lao động (có công chứng), quyết định tiếp nhận hoặc điều động công tác của cấp có thẩm quyền và xác nhận của UBND phường/ xã về việc cơ quan đó đóng trên địa bàn được ưu tiên (đối với đối tượng quy định ở điểm a mục 5.1).

6. ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN

- Căn cứ vào chỉ tiêu đã được xác định cho từng ngành/chuyên ngành đào tạo trong tổng chỉ tiêu của Trường, ngưỡng đảm bảo chất lượng do Trường công bố tại Đề án Tuyển sinh và Đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2023, điểm xét tuyển của từng thí sinh, Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển và số lượng thí sinh trúng tuyển;

- Trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau ở mức điểm trúng tuyển thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau: (1) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới; (2) Người có điểm trung bình toàn khóa học ở bậc đại học (không tính điểm ưu tiên) cao hơn; (3) Người có điểm trung bình cộng của tất cả các học phần ngoại ngữ trong bảng điểm tốt nghiệp đại học cao hơn; (4) Người tốt nghiệp đại học ưu tiên theo thứ tự: ngành, chuyên ngành phù hợp; ngành, chuyên ngành gần; ngành, chuyên ngành khác với ngành dự tuyển.

7. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Phương thức tuyển sinh là xét tuyển: căn cứ hồ sơ của người dự tuyển (Những hồ sơ đủ điều kiện xét tuyển thì được đánh giá dựa trên các tiêu chí được quy định cụ thể tại Phụ

lục 2). Trong đó, những trường hợp dự tuyển theo hướng nghiên cứu sẽ được xét sau khi đã trúng tuyển vào hướng ứng dụng.

8. HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ LIÊN QUAN

Mức học phí hệ đào tạo Thạc sĩ và các khoản phí, lệ phí liên quan thu theo Quyết định số 2091/QĐ-ĐHNH, ngày 21/7/2023 “Về việc mức thu học phí, phí dịch vụ năm học 2023-2024”. Cụ thể:

- Học phí: 900.000đ/tín chỉ (Tổng số tín chỉ của Chương trình Đào tạo Thạc sĩ là 60)
- Khi thí sinh trúng tuyển nhập học, Nhà trường thu học phí lần đầu là: 900.000đ x 30 tín chỉ = 27.000.000đ và các khoản phí, lệ phí theo quy định.

(Trong trường hợp có quy định mới về học phí và các khoản phí, lệ phí thì sẽ thu theo quy định mới).

9. HỒ SƠ DỰ TUYỂN

Mỗi thí sinh nộp một bộ hồ sơ đăng ký tuyển sinh. Hồ sơ đăng ký tuyển sinh thạc sĩ phải có đầy đủ các giấy tờ gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp lệ theo quy định hành chính:

9.1. Phiếu đăng ký dự tuyển

Thí sinh nộp 01 bản phiếu đăng ký dự tuyển (**Mẫu số 01**)

9.2. Lý lịch của người dự tuyển

Thí sinh nộp 01 bản lý lịch có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú (**Mẫu số 02**)

9.3. Bản sao có công chứng giấy tờ hợp pháp và đối tượng ưu tiên

- 01 bản sao bằng và bảng điểm tốt nghiệp đại học;
- 01 bản sao Chứng chỉ bổ sung kiến thức (nếu thuộc diện phải học bổ sung kiến thức);
- 01 bản sao Chứng chỉ ngoại ngữ;
- 01 bản photo các công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (nếu có); bao gồm: trang bìa, phụ lục và nội dung bài báo.
- Giấy xác nhận thời gian công tác của cơ quan, đơn vị nơi làm việc (nếu có);
- 02 ảnh màu 3x4 (ghi rõ họ tên và ngày sinh của thí sinh ở mặt sau của hình).

9.4. Lệ phí xét tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 630.000 đ
- Người dự tuyển có thể nộp tiền mặt trực tiếp tại Phòng Tài chính - Kế toán, số 36 Tôn Thất Đạm, Quận 1 hoặc chuyển khoản về tài khoản Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh:

+ Tên tài khoản: Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Số tài khoản: 6170201009309

Mở tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh 7 - TP.HCM
+ Hoặc số tài khoản: 0721000801777

Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

+ Nội dung ghi rõ: **“Họ và tên, ngày tháng năm sinh, Lệ phí dự tuyển trình độ**

Thạc sĩ”

9.5. Nhận Hồ sơ tuyển sinh

- Thí sinh truy cập Website: <http://xettuyen.hub.edu.vn> để đăng ký, điền đầy đủ thông tin và xuất Phiếu đăng ký dự tuyển (**Mẫu số 01**), Lý lịch khoa học (**Mẫu số 02**) nộp kèm các giấy tờ liên quan tại mục 9.3.

- Thời gian nhận Hồ sơ tuyển sinh: kể từ ngày ra Thông báo đến hết ngày **06/11/2023**

- Địa điểm nhận Hồ sơ: thí sinh liên hệ nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường hoặc qua đường

Bưu điện theo một trong các địa chỉ sau:

+ Khoa Sau đại học

• Tầng trệt, 36 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

• Điện thoại: (028) 38212590

+ Phòng Tư vấn tuyển sinh và Phát triển thương hiệu

• Tầng trệt, 56 Hoàng Diệu 2, Phường Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

• Điện thoại: (028) 38 971652

10. THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VÀ KHAI GIẢNG

- Thời điểm công bố kết quả: dự kiến 03 tuần sau ngày hết hạn nộp hồ sơ.

- Khai giảng dự kiến: Tháng 12 năm 2023

11. BỔ SUNG KIẾN THỨC, HỌC VÀ THI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH

11.1. Bổ sung kiến thức

- Thí sinh dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện tốt nghiệp đại học thuộc chuyên ngành gần, chuyên ngành khác với chuyên ngành dự tuyển phải học các môn bổ sung kiến thức đại học (Phụ lục 1).

- Các lớp bổ sung kiến thức được tổ chức vào các buổi tối trong tuần và cả ngày thứ Bảy, Chủ nhật.

11.2. Học và thi chứng chỉ tiếng Anh

Thí sinh chưa đạt điều kiện về năng lực tiếng Anh theo quy định tại mục 6, nếu có nhu cầu Trường sẽ tổ chức lớp học và thi chứng chỉ.

11.3. Liên hệ đăng ký học bổ sung kiến thức và chứng chỉ tiếng Anh:



• Bổ sung kiến thức đại học: **Trung tâm đào tạo Kinh tế - Tài chính – Ngân hàng**
Số 39 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM, Điện thoại: (028) 38 216 096
hoặc 0966368963.

• Chứng chỉ tiếng Anh: **Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh**. Địa chỉ: 39 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM, Điện thoại: (028) 38 214 055

Để nắm rõ hơn thông tin liên quan đến tuyển sinh trình độ đào tạo Thạc sĩ Đợt 2 năm 2023 của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, xin vui lòng liên hệ **Khoa Sau đại học**:

- Địa chỉ: Số 36 đường Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (028) 38 212 590

- Email: khoasaudaihoc@hub.edu.vn

- Website: hub.edu.vn, tuyensinh.hub.edu.vn và khoasdh.hub.edu.vn.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ tổ chức cán bộ Ngân hàng Nhà nước;
- Các tổ chức Kinh tế, Tài chính, Ngân hàng;
- Ban Website;
- Các đơn vị trực thuộc Trường;
- Lưu VP, Khoa SDH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Đức Trung

Phụ lục 1. Danh mục ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với ngành, chuyên ngành đào tạo và các học phần phải học bổ sung tương ứng

I. THẠC SĨ TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Thí sinh tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện tốt nghiệp đại học các ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác quy định sau đây được dự tuyển đầu vào chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Tài chính-Ngân hàng:

1. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP

Mã số	Tên tiếng Việt
73402	Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm
7340201	Tài chính – Ngân hàng
7340204	Bảo hiểm
7340205	Công nghệ tài chính

Một số chuyên ngành không có tên trùng với chuyên ngành ở trên nhưng được xác định là phù hợp với ngành Tài chính – Ngân hàng khi chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ Đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc tín chỉ của khối ngành Tài chính – Ngân hàng.

2. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH GẦN

Mã số	Tên tiếng Việt	CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
73401	Kinh doanh	Học bổ sung kiến thức 4 môn, mỗi môn 3 tín chỉ gồm: Lý thuyết tài chính tiền tệ Tín dụng Ngân hàng Quản trị ngân hàng thương mại Tài chính doanh nghiệp
7340101	Quản trị kinh doanh	
7340115	Marketing	
7340116	Bất động sản	
7340120	Kinh doanh quốc tế	
7340121	Kinh doanh thương mại	
7340122	Thương mại điện tử	
7340123	Kinh doanh thời trang và dệt may	
73403	Kế toán – Kiểm toán	
7340301	Kế toán	
7340302	Kiểm toán	
73404	Quản trị – Quản lý	
7340401	Khoa học quản lý	
7340403	Quản lý công	
7340404	Quản trị nhân lực	
7340405	Hệ thống thông tin quản lý	
7340406	Quản trị văn phòng	
7340408	Quan hệ lao động	
7340409	Quản lý dự án	

Một số chuyên ngành có tên không giống chuyên ngành liệt kê ở trên, được xác định là ngành gần khi chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành Tài chính – Ngân hàng (giống ít nhất 60% tương đương 37 tín chỉ kiến thức chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM).

3. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH KHÁC

Những chuyên ngành không thuộc Quy định tại mục 1 và 2 nêu trên học bổ sung kiến thức 6 môn, mỗi môn 3 tín chỉ gồm: Lý thuyết tài chính tiền tệ, Tín dụng Ngân hàng, Quản trị ngân hàng thương mại, Tài chính doanh nghiệp, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

II. THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Thí sinh tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện tốt nghiệp đại học các ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác quy định sau đây được dự tuyển đầu vào chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh:

1. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP

Mã số	Tên tiếng Việt
7340101	Quản trị kinh doanh
7340115	Marketing
7340116	Bất động sản
7340120	Kinh doanh quốc tế
7340121	Kinh doanh thương mại
7340122	Thương mại điện tử
7340123	Kinh doanh thời trang và dệt may

Một số chuyên ngành không có tên trùng với chuyên ngành ở trên nhưng được xác định là phù hợp với ngành Quản trị Kinh doanh khi chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc tín chỉ của khối ngành Quản trị Kinh doanh.

2. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH GẦN

Mã số	Tên tiếng Việt	CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
73402	Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm	Học bổ sung kiến thức 4 môn, mỗi môn 3 tín chỉ gồm: Quản trị học Marketing căn bản Tài chính doanh nghiệp Lý thuyết tài chính tiền tệ.
7340201	Tài chính – Ngân hàng	
7340204	Bảo hiểm	
7340205	Công nghệ tài chính	
73403	Kế toán – Kiểm toán	
7340301	Kế toán	
7340302	Kiểm toán	
73404	Quản trị – Quản lý	
7340401	Khoa học quản lý	
7340403	Quản lý công	
7340404	Quản trị nhân lực	
7340405	Hệ thống thông tin quản lý	
7340406	Quản trị văn phòng	
7340408	Quan hệ lao động	
7340409	Quản lý dự án	
Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh tế		
7310101	Kinh tế	
7310102	Kinh tế chính trị	
7310104	Kinh tế đầu tư	
7310105	Kinh tế phát triển	
7310106	Kinh tế quốc tế	
7310107	Thống kê kinh tế	
7310108	Toán kinh tế	

7310109	Kinh tế số
7380107	Luật kinh tế
7510604	Kinh tế công nghiệp
7580301	Kinh tế xây dựng
7620115	Kinh tế nông nghiệp
7810501	Kinh tế gia đình
7840104	Kinh tế vận tải
7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, kinh doanh, quản lý	
7340404	Quản trị nhân lực
7340406	Quản trị văn phòng
7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
7810201	Quản trị khách sạn
7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
7140114	Quản lý giáo dục
7229042	Quản lý văn hóa
7310205	Quản lý nhà nước
7320205	Quản lý thông tin
7320402	Kinh doanh xuất bản phẩm
7340401	Khoa học quản lý
7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
7580106	Quản lý đô thị và công trình
7580302	Quản lý xây dựng
7620211	Quản lý tài nguyên rừng
7620305	Quản lý thủy sản
7620114	Kinh doanh nông nghiệp
7720801	Tổ chức và Quản lý y tế
7720802	Quản lý bệnh viện
7810301	Quản lý thể dục thể thao
7840102	Quản lý hoạt động bay
7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường
7850103	Quản lý đất đai
7860109	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự
7860110	Quản lý trật tự an toàn giao thông
7860220	Chỉ huy, quản lý kỹ thuật

Một số chuyên ngành có tên không giống chuyên ngành liệt kê ở trên, được xác định là ngành gần khi chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành Quản trị Kinh doanh (giống ít nhất 60% tương đương 37 tín chỉ kiến thức chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM).

3. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH KHÁC

Những chuyên ngành không thuộc Quy định tại mục 1 và 2 nêu trên học bổ sung kiến thức 6 môn, mỗi môn 3 tín chỉ gồm: Quản trị học, Marketing căn bản, Tài chính doanh nghiệp, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

III. THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

Thí sinh tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện tốt nghiệp đại học các ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác quy định sau đây được dự tuyển đầu vào chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Luật kinh tế:

1. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP

Mã số	Tên tiếng Việt
738	Pháp luật
7380101	Luật
7380107	Luật kinh tế
7380103	Luật dân sự và tổ tụng dân sự
7380104	Luật hình sự và tổ tụng hình sự
7380108	Luật quốc tế
7380102	Luật hiến pháp và luật hành chính

Một số chuyên ngành không có tên trùng với chuyên ngành ở trên nhưng được xác định là phù hợp với ngành Luật Kinh tế khi chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc tín chỉ của khối ngành Luật Kinh tế.

2. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH GẦN

Mã số	Tên tiếng Việt	CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
731	Khoa học xã hội và hành vi	Học bổ sung kiến thức 4 môn, mỗi môn 3 tín chỉ: Luật thương mại Luật dân sự Luật hình sự Luật hành chính
73101	Kinh tế học	
7310101	Kinh tế	
7310102	Kinh tế chính trị	
7310104	Kinh tế đầu tư	
73102	Khoa học chính trị	
7310201	Chính trị học	
7310202	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	
7310205	Quản lý nhà nước	
7310206	Quan hệ quốc tế	
732	Báo chí và thông tin	
73201	Báo chí và truyền thông	
7320101	Báo chí	
7320108	Quan hệ công chúng	
786	An ninh quốc phòng	Học bổ sung kiến thức 4 môn, mỗi môn 3 tín chỉ: Luật thương mại Luật dân sự Luật hình sự Luật hành chính
78601	An ninh và trật tự xã hội	
7860101	Trình sát an ninh	
7860102	Trình sát cảnh sát	
7860104	Điều tra hình sự	
7860109	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	
7860110	Quản lý trật tự an toàn giao thông	
7860111	Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp	
7229001	Triết học	Học bổ sung kiến thức 4 môn, mỗi môn 3 tín chỉ:
734	Kinh doanh và quản lý	
73401	Kinh doanh	
734010	Quản trị kinh doanh	
7340115	Marketing	

7340116	Bất động sản	Luật thương mại Luật dân sự Luật hình sự Luật hành chính
7340120	Kinh doanh quốc tế	
7340121	Kinh doanh thương mại	
7340122	Thương mại điện tử	
7340123	Kinh doanh thời trang và dệt may	
73402	Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm	Học bổ sung kiến thức 4 môn, mỗi môn 3 tín chỉ: Luật thương mại Luật dân sự Luật hình sự Luật hành chính
7340201	Tài chính – Ngân hàng	
7340204	Bảo hiểm	
73403	Kế toán – kiểm toán	
7340301	Kế toán	
7340302	Kiểm toán	
73404	Quản trị - Quản lý	
7340401	Khoa học quản lý	
7340403	Quản lý công	
7340404	Quản trị nhân lực	
7340405	Hệ thống thông tin quản lý	
7340406	Quản trị văn phòng	
7340408	Quan hệ lao động	
7340409	Quản lý dự án	

Một số chuyên ngành có tên không giống chuyên ngành liệt kê ở trên, được xác định là ngành gần khi chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành Luật Kinh tế (giống ít nhất 60% tương đương 37 tín chỉ kiến thức chuyên ngành Luật Kinh tế, chương trình đào tạo Đại học của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM).

3. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH KHÁC

Những chuyên ngành không thuộc Quy định tại mục 1 và 2 nêu trên học bổ sung kiến thức 6 môn, mỗi môn 3 tín chỉ gồm: Luật thương mại, Luật dân sự, Luật hình sự, Luật hành chính, Luật hiến pháp, Luật tố tụng dân sự.



Phụ lục 2.

Bảng điểm quy đổi kết quả học tập, bài báo khoa học và kinh nghiệm công tác

TT	Tiêu chí xét	Nội dung	Điểm	Tổng điểm tối đa
1	I. Tốt nghiệp đại học	Xếp loại tốt nghiệp		85
1.1	Chuyên ngành phù hợp	Xuất sắc	85	
		Giỏi	83	
		Khá	81	
		Trung bình khá	78	
		Trung bình	75	
1.2	Chuyên ngành gần			80
		Xuất sắc	80	
		Giỏi	78	
		Khá	76	
		Trung bình khá	73	
		Trung bình	70	
1.3	Chuyên ngành khác			78
		Xuất sắc	78	
		Giỏi	76	
		Khá	74	
		Trung bình khá	71	
		Trung bình	69	
2	Bài báo khoa học (1)	Vai trò	Điểm	5
2.1	Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm từ 1.0 trở lên		5	
2.2	Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm từ 0.75 trở lên đến dưới 1.0 điểm		4	
2.3	Bài đăng kỷ yếu hội thảo được xuất bản có chỉ số ISBN hoặc Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm dưới 0.75.		3	
3	Kinh nghiệm công tác (2)			10
3.1	Từ đủ 5 năm trở lên		10	
3.2	Từ đủ 1 năm đến dưới 5 năm		7	
3.3	Dưới 1 năm		4	
	Tổng điểm			100

Lưu ý: (1) Trường hợp thí sinh có nhiều bài báo, bài hội thảo thỏa mãn yêu cầu thì tính điểm của từng bài theo thang điểm nêu trên. Điểm Bài báo khoa học của thí sinh sẽ là tổng điểm tất cả các bài báo, hội thảo nhưng tổng điểm không quá 5 điểm.

(2) Minh chứng Kinh nghiệm công tác: Giấy xác nhận thời gian công tác của cơ quan/đơn vị nơi làm việc.